

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác
khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
Căn cứ Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;
Căn cứ Nghị định số 150/ 2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định
tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp xã;
Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BNNMT ngày 14/10/2025 của Bộ nông
ng nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã;
Căn cứ Văn bản số 10120/BNNMT-KN ngày 09/12/2025 của Bộ Nông nghiệp
và Môi trường về việc hướng dẫn nội dung Quy chế phối hợp công tác khuyến nông;
Căn cứ Hướng dẫn số 1680/KNQG-TH ngày 11/11/2025 của Trung tâm
Khuyến nông Quốc gia về việc Hướng dẫn xây dựng Quy chế phối hợp công tác
khuyến nông;
Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 8481/SNNMT-
KN ngày 31/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NL₅.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Huy Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về đối tượng, mục đích, nguyên tắc, nội dung, phương thức phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm khuyến nông; các đơn vị thuộc Sở nông nghiệp và Môi trường.
2. Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã); các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công tác khuyến nông cấp xã.
3. Công chức, viên chức khuyến nông, cộng tác viên khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng.
4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Mục đích phối hợp.

1. Đảm bảo sự thống nhất trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh; phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác khuyến nông; nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác khuyến nông phục vụ phát triển nông nghiệp, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.
2. Huy động có hiệu quả nguồn lực thực hiện và tăng cường sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong quản lý, thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Công tác phối hợp dựa trên nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật, Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị; trình tự, thủ tục giải quyết công việc theo quy định của pháp luật.
2. Nội dung, nhiệm vụ thuộc phạm vi của cơ quan, đơn vị nào thì cơ quan, đơn vị đó chủ trì, chủ động đề xuất với cơ quan, đơn vị khác để cùng phối hợp giải quyết, đảm bảo công việc được xử lý kịp thời, hiệu quả.

3. Tăng cường sự phối hợp, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và triển khai các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Phương thức phối hợp

1. Khi cần phối hợp giải quyết các nhiệm vụ khuyến nông thuộc phạm vi cấp tỉnh quản lý, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì làm việc (hoặc xin ý kiến bằng văn bản) với các đơn vị thuộc Sở và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan để cùng thống nhất giải quyết.

2. Khi cần giải quyết các nhiệm vụ khuyến nông thuộc phạm vi cấp xã quản lý, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì làm việc (hoặc xin ý kiến bằng văn bản) với Trung tâm khuyến nông và các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có liên quan để cùng thống nhất giải quyết.

3. Định kỳ hàng năm, đột xuất Trung tâm khuyến nông tổ chức họp giao ban với khuyến nông cấp xã để chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và nắm bắt các vấn đề mới phát sinh trong hoạt động khuyến nông.

4. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thành lập các đoàn/tổ công tác để hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ cấp xã thực hiện công tác khuyến nông.

CHƯƠNG II NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 6. Phối hợp trong công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động khuyến nông

1. Triển khai các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp và khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

2. Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

3. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các hoạt động khuyến nông triển khai trên địa bàn tỉnh (bao gồm cả hoạt động khuyến nông của các tổ chức khuyến nông nhà nước và hoạt động khuyến nông của các tổ chức tư nhân, doanh nghiệp).

4. Theo dõi, đánh giá hiệu quả công tác khuyến nông trên địa bàn tỉnh và đề xuất điều chỉnh kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất.

Điều 7. Phối hợp trong công tác triển khai các nhiệm vụ khuyến nông

1. Xây dựng các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức, thành viên Hợp tác xã, cộng tác viên

khuyến nông, tổ khuyến nông cộng đồng, nông ngư dân,... về các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản.

3. Thực hiện công tác thông tin tuyên truyền, biên soạn, phát hành tài liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu khuyến nông.

4. Thực hiện mô hình trình diễn ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GlobalGAP), hữu cơ, mô hình liên kết chuỗi, tuần hoàn,...

5. Nghiên cứu, khảo nghiệm, kiểm nghiệm và đánh giá hiệu quả của các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, giải pháp trước khi ứng dụng, chuyển giao vào sản xuất.

6. Chuyển giao công nghệ, tổ chức lại sản xuất, liên kết chuỗi giá trị, hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn phục vụ chế biến, xuất khẩu.

7. Đánh giá kết quả thực hiện các mô hình khuyến nông đã được triển khai trên địa bàn tại địa phương, triển khai nhân rộng các mô hình có hiệu quả.

Điều 8. Phối hợp trong công tác triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp và phòng trừ dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai.

1. Xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp (bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp,...) và bảo vệ môi trường của địa phương; hướng dẫn thu gom bao bì vật tư sau khi sử dụng; quản lý, xử lý phế phẩm, phụ phẩm nông nghiệp.

2. Xây dựng và triển khai hệ thống cảnh báo sớm, kiểm dịch và giám sát dịch bệnh, đồng thời đề xuất các giải pháp xử lý khi xảy ra dịch bệnh; theo dõi chặt chẽ tình hình sản xuất (tiến độ sản xuất, cơ cấu giống, thời vụ sản xuất) để điều chỉnh sản xuất phù hợp.

3. Nắm bắt thông tin để hướng dẫn, tuyên truyền các giải pháp phòng, chống, khôi phục sản xuất do thiên tai, thời tiết cực đoan đối với sản xuất nông nghiệp, thủy sản.

4. Huy động, điều động cán bộ, viên chức, người lao động của các đơn vị có liên quan tham gia công tác điều tra phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản khi có yêu cầu, đảm bảo hiệu quả, đúng chức năng nhiệm vụ và đúng quy định hiện hành.

Điều 9. Chia sẻ thông tin

1. Thiết lập kênh chia sẻ thông tin về sản xuất, dịch bệnh, tiến bộ khoa học kỹ thuật, môi trường, chính sách, pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn để đảm bảo công tác phối hợp đạt hiệu quả.

2. Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về sản xuất nông nghiệp, dịch bệnh, dữ liệu thiệt hại và các chỉ số kỹ thuật quan trọng phục vụ sản xuất nông nghiệp và hoạt động khuyến nông.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Điều 10. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở triển khai thực hiện hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, văn bản chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về khuyến nông.

2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị có liên quan thực hiện công tác khuyến nông tại các địa phương.

3. Là đơn vị chủ trì, đầu mối tổ chức triển khai thực hiện Quy chế phối hợp và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường về kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực khuyến nông trên phạm vi địa bàn tỉnh.

Điều 11. Trung tâm Khuyến nông tỉnh

1. Đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến nông, chế độ đãi ngộ với cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác quản lý, triển khai thực hiện các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn tỉnh. Điều phối, đôn đốc, hỗ trợ công tác khuyến nông cấp xã, cộng tác viên khuyến nông, khuyến nông cộng đồng.

Điều 12. Các chi cục chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Phối hợp xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khuyến nông theo lĩnh vực, phạm vi quản lý.

2. Tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và chiến lược, quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, thủy sản, chăn nuôi, thú y, lâm nghiệp. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản tại cơ sở theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chia sẻ thông tin về phòng chống dịch bệnh và đề xuất giải pháp hiệu quả, kịp thời. Chủ động giải quyết các khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực quản lý.

Điều 13. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện thành lập, sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức; điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức khuyến nông cấp xã theo quy định của pháp luật và chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh.

2. Phối hợp với Trung tâm khuyến nông và các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường để triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về khuyến nông trên địa bàn xã.

3. Tổng hợp các vướng mắc, khó khăn về lĩnh vực khuyến nông, chủ động giải quyết theo thẩm quyền, quy định; hoặc đề xuất, kiến nghị đến cấp thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định (nếu vượt thẩm quyền).

Điều 14. Đơn vị khuyến nông cấp xã

1. Phối hợp với Trung tâm khuyến nông và các đơn vị quản lý nhà nước có liên quan thực hiện các nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn khi được cấp có thẩm quyền giao.

2. Xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ khuyến nông cấp xã trình Ủy ban nhân dân xã phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Phối hợp xây dựng chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới, phát triển cộng đồng, du lịch nông thôn, sản phẩm OCOP,... tại địa phương.

4. Theo dõi diễn biến tình hình thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, tham gia các nhiệm vụ phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường tại địa phương. Kịp thời tháo gỡ, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh hoặc báo cáo, đề xuất đến cấp có thẩm quyền (nếu vượt thẩm quyền).

Điều 15. Tổ khuyến nông cộng đồng

1. Nắm bắt tình hình sản xuất tại cơ sở: Theo dõi diễn biến thời tiết, dịch hại, giá cả, vật tư nông nghiệp tại địa bàn.

2. Hướng dẫn và chuyển giao kỹ thuật cho nông dân: Tổ chức hướng dẫn kỹ thuật canh tác, trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản theo quy trình được tỉnh và Trung tâm Khuyến nông ban hành.

3. Phối hợp tổ chức các mô hình trình diễn; tham gia phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo đầu bờ, tham quan học tập kinh nghiệm.

4. Tuyên truyền, phổ biến các cơ chế chính sách hỗ trợ nông nghiệp, khuyến nông, chuyển đổi số.

5. Kết nối giữa người dân, cơ quan khuyến nông và Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị chuyên môn khác.

6. Hỗ trợ xây dựng chuỗi liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho người dân tại địa phương.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Chế độ thông tin báo cáo

1. Định kỳ (6 tháng, năm), Khuyến nông xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Trung tâm khuyến nông về tình hình hoạt động khuyến nông và sản xuất nông nghiệp tại địa phương.

2. Trung tâm khuyến nông tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường và gửi các đơn vị thuộc Sở biết, phối hợp công tác.

3. Khi phát hiện thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản và các vấn đề phát sinh tại cơ sở có liên quan, Khuyến nông xã báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị thuộc Sở có liên quan để xử lý kịp thời.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm khuyến nông và các đơn vị thuộc Sở, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện đúng các nội dung tại Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc hoặc cần bổ sung, sửa đổi Quy chế, các địa phương, các đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường (thông qua Trung tâm Khuyến nông), Ủy ban nhân dân cấp xã đề chủ động xem xét, giải quyết, hoặc báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết./.